

Bản án số: 29/2024/HS-ST
Ngày: 28 - 3 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Minh Tuấn

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Tuấn.

2. Ông Vi Tuấn Dũng.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Mai Loan – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên toà: Ông Nông Anh Vượng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân tỉnh Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 04/2024/TLST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2024/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2024 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Nhật T, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 16 tháng 9 năm 1992; Nơi đăng ký HKTT: Tổ B, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn; chỗ ở: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Như C và bà Lục Thị Q; có vợ là Vũ Thị Ánh T1, có 01 con; Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Tại bản án số 227/2018/HSST ngày 15/6/2018 của TAND thành phố Thái Nguyên xử phạt bị cáo 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2023 đến nay, (có mặt).

2. Nguyễn Thanh T2, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 12 tháng 10 năm 2000; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm Đ, xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn A, và bà Lê Thị N; vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/5/2023 đến nay, (có mặt).

3. Trần Quý M, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 2003; Nơi đăng ký HKTT: Xóm M, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trần Văn V và bà Phạm Thị T3; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2023 đến nay, (có mặt).

4. Dương Văn V1, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 14 tháng 9 năm 2003; Nơi đăng ký HKTT: Xóm B, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên; chỗ ở: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; họ tên bố: Không rõ; họ tên mẹ: Dương Thị N1; vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/5/2023 đến nay, (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo:

Luật sư Hoàng Thanh Q1, Văn phòng L1 - Đoàn Luật sư tỉnh T. Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Nhật T (có mặt)

Luật sư Nguyễn Bùi H, Văn phòng L2 - Đoàn Luật sư tỉnh T. Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh T2 (có mặt)

Luật sư Nguyễn Đức N2, Nguyễn Văn C1, Công ty L3 - Đoàn Luật sư thành phố H. Bào chữa cho bị cáo Dương Văn V1 (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Văn D, sinh năm 1995. (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Dương Thị N1, sinh năm 1976. (có mặt)

Nơi cư trú: Xóm B, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Người chứng kiến:

1. Ông Trần Mai K, sinh năm 1954. (vắng mặt)

2. Ông Nguyễn Đức M1, sinh năm 1960. (vắng mặt)

Đều trú tại: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.

Người làm chứng:

1. Anh Lý Ngọc M2, sinh năm 2007. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Xóm N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Nguyên.

2. Chị Lục Tuyết Cẩm N3, sinh năm 2003. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

3. Chị Nguyễn Trúc C2, sinh năm 2007. (vắng mặt)

Nơi cư trú; Thôn A, xã V, huyện Á, tỉnh Hưng Yên.

4. Chị Dương Thị L, sinh năm 2000. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn Á, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn.

5. Chị Lò Thị D1, sinh năm 2003. (vắng mặt)

Nơi cư trú: Bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 15 giờ 15 phút ngày 16/5/2023 Tổ công tác Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an thành phố T, tỉnh Thái Nguyên làm nhiệm vụ tại khu vực đường dân sinh thuộc địa phận tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên phát hiện 02 nam giới đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 20B1-212.64 có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy nên đã tiến hành kiểm tra. Hai người này tự khai nhận họ tên là: Dương Văn V1 (người điều khiển xe mô tô), sinh năm 2003, trú ở xóm B, xã N, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, nơi ở: Tổ A, phường Q, thành phố T; Trần Quý M (người ngồi sau xe mô tô), sinh năm 2003, trú ở xóm M, xã V, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, nơi ở: Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên. M khai nhận đang cất giấu ma túy trên người, tự giác lấy ra từ túi quần phía trước bên phải đang mặc 01 bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long màu vàng, bên trong có 01 túi nilon màu trắng, trong chứa 10 viên nén màu cam, 01 túi nilon màu trắng chứa chất tinh thể màu trắng (niêm phong bì ký hiệu M). Ngoài ra, tạm giữ của M 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu hồng, tạm giữ của V1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu trắng; 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh trắng biển kiểm soát 20B1-212.64. Cơ quan điều tra đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đưa M, V1 về Cơ quan điều tra để điều tra làm rõ. Tại Cơ quan điều tra M khai nhận số ma túy (viên nén) thu giữ nêu trên là mua của Nguyễn Nhật T, sinh năm 1992, trú ở tổ B, thị trấn Đ, huyện C, tỉnh Bắc Kạn và Nguyễn Thanh T2, sinh năm 2000, trú ở xóm Đ, xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên. Cơ quan điều tra đã tiến hành bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp đối với T và T2, tạm giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone vỏ màu đen, tạm giữ của T2 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi màu đỏ (niêm phong ký hiệu K, X).

Cùng ngày, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Quý M tại số nhà C, Tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, kết quả thu giữ: Tại gầm ghế trong phòng khách tầng một có 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa chất tinh thể màu trắng (niêm phong bì ký hiệu A1); trong ngăn tủ tại phòng khách 01 chiếc tất màu xám trong có 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa 61 viên nén màu cam (niêm phong bì ký hiệu B); trong kệ để giày trong phòng ngủ tầng hai 05 túi nilon màu trắng bên trong mỗi túi đều chứa chất tinh thể màu trắng (niêm phong bì ký hiệu A2); ngoài ra còn tạm giữ: 20 túi nilon màu trắng kích thước 5x3 cm, 10 túi nilon màu trắng kích thước 01x01 cm, 01 cân tiểu ly màu trắng có chữ HDA.

Ngày 18/5/2023, Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Thanh T2 tại xóm Đ, xã D, huyện V, tỉnh Thái Nguyên: Không phát hiện, thu giữ đồ vật tài sản gì.

Mở niêm phong 04 chiếc điện thoại di động (03 chiếc nhãn hiệu Iphone, 01 chiếc nhãn hiệu Xiaomi) đã tạm giữ của T, T2, M, V1, kết quả: Tại phần cuộc gọi, tin nhắn có dữ liệu liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

Mở niêm phong số chất nghi là ma túy:

Niêm phong M: Số viên nén màu cam có khối lượng 4,794 gam, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định (ký hiệu M1). Số chất tinh thể màu trắng có khối lượng 4,624 gam, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định (ký hiệu M2).

Niêm phong A1: Số chất tinh thể màu trắng có khối lượng 0,552 gam, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định (ký hiệu T1).

Niêm phong B: Số viên nén màu cam có khối lượng 29,237 gam, lấy 6,687 gam làm mẫu gửi giám định (ký hiệu B1), còn lại niêm phong lưu kho.

Niêm phong A2: Số chất tinh thể màu trắng có khối lượng 3,955 gam, lấy toàn bộ làm mẫu gửi giám định (ký hiệu T2).

Tại Kết luận giám định số 700 ngày 25/5/2023 của Phòng K1 Công an tỉnh T, kết luận:

Số viên nén màu cam trong bì niêm phong ký hiệu M1 gửi giám định là chất ma túy, loại MDMA, khối lượng thu giữ ban đầu là: 4,794 gam.

Chất tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu M2 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng thu giữ ban đầu là: 4,624 gam.

Số viên nén màu cam trong bì niêm phong ký hiệu B1 gửi giám định là chất ma túy, loại MDMA, khối lượng thu giữ ban đầu là: 29,237 gam.

Chất tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu T1 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng thu giữ ban đầu là: 0,552 gam.

Chất tinh thể màu trắng trong bì niêm phong ký hiệu T2 gửi giám định là chất ma túy, loại Ketamine, khối lượng thu giữ ban đầu là: 3,955 gam.

Quá trình điều tra làm rõ hành vi phạm tội của các bị cáo như sau:

Khoảng tháng 4/2022 Nguyễn Văn D, sinh năm 1995, trú ở xóm Đ, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên thuê nhà số C, thuộc tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên (sau đây gọi tắt là nhà số C) để ở và cho một số người là nhân viên của D (làm việc tại các quán Karaoke) sinh sống tại đây trong số đó có Nguyễn Nhật T, Nguyễn Thanh T2, Trần Quý M, Dương Văn V1. Quá trình sinh sống tại đây, do hám lời nên T và T2 đã bàn bạc cùng nhau góp tiền mua ma túy về để bán kiếm lời. Ngày 12/5/2023 sau khi thống nhất góp được số tiền 18.000.000 đồng, (T2 góp 6.000.000 đồng, T góp 12.000.000 đồng khoảng 22 giờ cùng ngày T một mình đi đến khu vực ngõ H, đường L thuộc tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên gặp một người nữ giới (không rõ họ tên, địa chỉ) và mua của người này số ma túy tổng hợp dạng “kẹo” hết số tiền 18.000.000 đồng, sau đó đem toàn bộ số ma túy về nhà số C rồi đưa cho T2. T2 cầm túi ma túy “kẹo” cho vào trong 01 chiếc tất màu xám rồi cất giấu tại ngăn tủ gỗ trong phòng khách tầng 1.

Cũng mục đích mua ma túy về để bán kiếm lời, nên khoảng 01 giờ 00 phút ngày 16/5/2023, Trần Quý M đi đến khu vực Cổng trường tiểu học T5, thuộc tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên gặp một nam giới tên thường gọi là “Cò” (không rõ họ, tên đệm, địa chỉ) và mua của người này 10 “chỉ” ma túy Ketamine với giá 7.000.000 đồng sau đó đem về nhà số C rồi chia ra thành các túi nhỏ, cất giấu 06 túi Ketamine tại kệ để giày phòng ngủ tầng 2, 01 túi Ketamine tại gầm ghế trong phòng khách.

Khoảng 02 giờ sáng ngày 16/5/2023, tại phòng khách nhà số C M tiếp tục mua của T2 04 viên ma túy “kẹo” với giá 1.000.000 đồng rồi cất giấu trong phòng ngủ tầng 2. Đến khoảng 04 giờ cùng ngày, trong lúc T2 và M đang đi chơi cùng nhau thì có khách hỏi mua 03 viên ma túy “kẹo”, M đã hỏi mua của T2 03 viên ma túy “kẹo”, T2 đồng ý, bảo M ma túy để trong chiếc tất cất giấu trong ngăn tủ gỗ ở phòng khách tầng 1 trong nhà số C. Sau đó, M liên lạc qua điện thoại bảo Dương Văn V1 đến vị trí trên lấy 03 viên ma túy “kẹo” rồi đem đến cổng trường Đại học N4 để bán. V1 đã lấy 03 viên ma túy “kẹo” tại vị trí Mùi chỉ dẫn rồi cất giấu trên người, đi đến khu vực Cổng trường Đại học N4 bán cho một người nam giới tên là P (không rõ họ, tên đệm, địa chỉ) thu số tiền 1.200.000 đồng, V1 giữ lại 200.000 đồng tiền công và đưa lại cho M số tiền 1.000.000 đồng. Đến khoảng 14 giờ 30 cùng ngày, có một người nam giới tên là H1 (không rõ họ, tên đệm và địa chỉ) đến gặp M đặt mua 10 viên ma túy “kẹo” và 05 “chỉ” ma túy Ketamine, hai bên thống nhất với giá 350.000 đồng/01 viên ma túy “kẹo” và 1.200.000 đồng/01 “chỉ” Ketamine, hẹn đến 15 giờ 30 phút cùng ngày cả hai sẽ gặp nhau tại khu vực đường dân sinh giáp đường B thuộc tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên để giao nhận ma túy. Đến khoảng 15 giờ 00 phút cùng ngày M lên phòng ngủ tầng 2 nhà số C lấy ra 01 túi Ketamine trên giá để giày cùng 04 viên ma túy “kẹo” đã mua được của T2 từ trước đó, rồi đi xuống tầng 1 tiếp tục mua 06 viên ma túy “kẹo” của T với giá 300.000 đồng/01 viên, chuyển khoản thanh toán cho T số tiền 4.800.000 đồng (trong đó có 3.900.000 đồng là tiền mua ma túy). T bảo M gặp T2 để nhận ma túy. Tại phòng khách nhà số C, T2 lấy ra 06 viên ma túy “kẹo” đưa cho M. Sau khi nhận ma túy, M để 10 viên ma túy “kẹo” và túi ma túy Ketamine vào bao thuốc lá nhãn hiệu Thăng Long rồi cất giấu vào túi quần trước bên phải đang mặc, bảo V1 điều khiển xe mô tô đưa M đi bán ma túy, khi bán được sẽ trả công số tiền 100.000 đồng. V1 đồng ý, điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 20B1-212.64 chở M đi từ nhà số C đến khu vực đường D thuộc tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ 4,794 gam ma túy MDMA và 4,624 gam ma túy Ketamine.

Khám xét khẩn cấp tại số nhà C, Tổ A, phường Q, thành phố T, Cơ quan điều tra thu giữ của T và T2 29,237 gam ma túy MDMA, thu giữ của M 4,507 gam ma túy Ketamine mục đích để bán.

Lời khai của Nguyễn Nhật T, Nguyễn Thanh T2, Trần Quý M, Dương Văn V1 phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản khám xét, biên bản

thu giữ vật chứng, kết luận giám định chất ma túy, lời khai của người chứng kiến...và các chứng cứ khác đã thu thập được.

Trong quá trình điều tra, ngoài vật chứng là ma túy, 04 điện thoại di động, 30 túi nilon, 01 cân tiểu ly. Cơ quan điều tra còn tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh trắng biển kiểm soát 20B1-212.64. Chiếc xe này đăng ký mang tên anh Nguyễn Mạnh H2, sinh năm 1981, trú ở tổ A, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, khoảng năm 2017 anh H2 đã bán lại chiếc xe nêu trên, đến khoảng năm 2020 Nguyễn Văn D mua lại chiếc xe, nhưng chưa làm thủ tục đăng ký sang tên đổi chủ, sử dụng làm phương tiện đi lại và cho nhân viên của D sử dụng. Số vật chứng, đồ vật, tài sản này hiện đã chuyển theo hồ sơ vụ án.

Tại bản cáo trạng số 08/CT - VKSTN, ngày 17/01/2024 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đã truy tố Nguyễn Nhật T và Nguyễn Thanh T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố Trần Quý M và Dương Văn V1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Phần luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Nhật T và Nguyễn Thanh T2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự; Trần Quý M và Dương Văn V1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật T từ 16 đến 17 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 7 đến 10 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 từ 15 đến 16 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 7 đến 10 triệu đồng để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ điểm p khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Quý M từ 7 đến 8 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 5 đến 7 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ điểm p khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Văn V1 từ 7 đến 8 năm tù. Phạt bổ sung bị cáo từ 5 đến 7 triệu đồng sung quỹ Nhà nước.

Vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 09 bì niêm phong, bên trong chứa chất ma túy và vỏ bao gói; 30 túi nilon; 01 cân tiểu ly.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 04 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo do liên quan đến hành vi phạm tội.

- Trả lại cho Nguyễn Văn D 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, BKS 20B1 – 212.64 do không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Truy thu đối với Nguyễn Nhật T và Nguyễn Thanh T2 số tiền: 3.900.000 đồng; truy thu đối với Nguyễn Quý M3 số tiền: 1.000.000 đồng; truy thu đối với Dương Văn V1 số tiền: 300.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, các bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát.

Các Luật sư bào chữa cho các bị cáo T, T2 và V1 xác định việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên đối với bị cáo là đúng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn, đã ăn năn hối cải. Đề nghị cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 (bị cáo V1 thêm khoản 2) Điều 51 Bộ luật hình sự và xử phạt bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Các bị cáo nhất trí với nội dung bào chữa của các Luật sư.

Lời nói sau cùng, các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình khởi tố vụ án, điều tra, truy tố và xét xử, điều tra viên, kiểm sát viên và người bào chữa đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, Luật sư và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đảm bảo hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2]. Căn cứ lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, kết luận giám định, lời khai của người chứng kiến, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Do hám lời, Nguyễn Nhật T và Nguyễn Thanh T2 đã cùng nhau góp được số tiền 18.000.000 đồng mua ma túy về để bán kiếm lời. Ngày 12/5/2023 tại khu vực tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên, T mua của người nữ giới (không rõ họ tên, địa chỉ) số ma túy tổng hợp dạng “keo” hết số tiền 18.000.000 đồng, rồi mang về nhà số C thuộc tổ A, phường Q, thành phố T đưa cho T2 cất giấu.

Ngày 16/5/2023 tại khu vực tổ A, phường Q, thành phố T, Trần Quý M mua của người nam giới tên “Cò” (không rõ họ, tên đệm, địa chỉ) 10 “chỉ” ma túy Ketamine với giá 7.000.000 đồng rồi đem về nhà số C, chia nhỏ ra cất giấu để bán.

Quá trình đó, trong ngày 16/5/2023 T và T2 đã 03 lần bán tổng cộng 13 viên ma túy tổng hợp dạng “keo” cho M (cụ thể: Khoảng 02 giờ bán 04 viên; khoảng 04 giờ bán 03 viên; khoảng 15 giờ bán 06 viên) thu số tiền 3.900.000 đồng.

Thực hiện chỉ đạo của M, cùng ngày V1 đã mang 03 viên ma túy tổng hợp dạng “keo” đến khu vực Cổng trường Đại học N4 bán cho một người nam giới tên là P (không rõ họ, tên đệm, địa chỉ) thu số tiền 1.200.000 đồng.

Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, M cất giấu 4,794 gam ma túy MDMA và 4,624 gam ma túy Ketamine trên người, bảo V1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 20B1-212.64 chở M đi từ nhà số C đến khu vực đường D thuộc tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên để bán, chưa kịp bán số ma túy trên thì bị Cơ quan Công an phát hiện bắt quả tang, thu giữ vật chứng.

Khám xét khẩn cấp tại số nhà C, Cơ quan điều tra thu giữ của T và T2 29,237 gam ma túy MDMA, thu giữ của M 4,507 gam ma túy Ketamine mục đích để bán.

Tổng khối lượng chất ma túy Nguyễn Nhật T, Nguyễn Thanh T2 mua bán trái phép là: 34,031 gam MDMA và 03 viên ma túy MDMA.

Tổng khối lượng chất ma túy Trần Quý M đã mua bán trái phép là 4,794 gam MDMA, 03 viên ma túy MDMA, 9,131 gam Ketamine.

Tổng khối lượng chất ma túy Dương Văn V1 đã mua bán trái phép là 4,794 gam ma túy MDMA và 03 viên ma túy MDMA, 4,624 gam ma túy Ketamine.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Với hành vi nêu trên, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Nhật T và Nguyễn Thanh T2 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b khoản 3 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố Trần Quý M và Dương Văn V1 về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, theo điểm p khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Nội dung Điều 251 Bộ luật hình sự:

“1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì phạt tù từ 7 năm đến 15 năm:

p) Có hai chất ma túy trở lên mà tổng khối lượng hoặc thể tích của các chất đó tương đương với khối lượng hoặc thể tích chất ma túy quy định tại một trong các điểm từ điểm h đến điểm o khoản này;

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù 15 năm, đến 20 năm:

b, MDMA...có khối lượng từ 30 gam đến dưới 100 gam;”

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...”

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Nhật T và Nguyễn Thanh T2 là đặc biệt nghiêm trọng; hành vi phạm tội của các bị cáo Trần Quý M và Dương Văn V1 là rất nghiêm trọng. Các bị cáo có đầy đủ năng lực hành vi và năng lực trách nhiệm hình sự, hành vi của các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và sử dụng các chất ma túy, làm phát sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an ở địa phương, vì vậy cần phải được xử lý nghiêm minh bằng pháp luật hình sự, buộc các bị cáo phải cách ly xã hội để cải tạo, giáo dục các bị cáo đồng thời răn đe, phòng chống tội phạm chung.

[4]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:

Bị cáo Nguyễn Nhật T chưa có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân xấu, các bị cáo Nguyễn Thanh T2, Trần Quý M, Dương Văn V1 chưa có tiền án, tiền sự và có nhân thân tốt. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải vì vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo V1 đã tự nguyện nộp số tiền thu lợi bất chính nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo T và T2 phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự là phạm tội 02 lần trở lên, các bị cáo M và V1 không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

Đề nghị của Luật sư bào chữa cho bị cáo về áp dụng tình tiết giảm nhẹ là phù hợp nên được chấp nhận.

[5]. Vật chứng vụ án:

- Sổ ma túy thu giữ của các bị cáo và vỏ bao gói được niêm phong trong các phong bì niêm phong ký hiệu: B2, L, L1, M1, M2, B1, T1, T2, X1; 30 túi nilon; 01 cân tiểu ly cần tích thu tiêu hủy theo quy định.

- 04 chiếc điện thoại di động thu giữ của các bị cáo, quá trình điều tra xác định các bị cáo sử dụng để liên lạc mua, bán ma túy, vì vậy cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter màu xanh trắng, BKS: 20B1 - 212.64 chiếc xe của Nguyễn Văn D, không liên quan đến vụ án cần trả lại cho D quản lý.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo phạm tội vì mục đích lợi nhuận, vì vậy cần phải áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự, phạt các bị cáo một khoản tiền để sung quỹ Nhà nước.

[7]. Đối với số tiền thu lợi bất chính: Quá trình điều tra xác định Nguyễn Nhật T bán ma túy cho Nguyễn Quý M3 được số tiền: 3.900.000đ; Nguyễn Quý M3 bán ma túy được số tiền: 1.000.000đ; Dương Văn V1 được Mùi trả công đi bán ma túy được 300.000đ, vì vậy cần truy thu đối với T, M3 và V1 số tiền nêu trên.

Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[8]. Trong vụ án này còn những người liên quan gồm: Nguyễn Văn D, (là người thuê nhà số C) để ở và cho một số người là nhân viên của D (làm việc tại các quán Karaoke) sinh sống tại đây. Sau đó các bị cáo trong vụ án này đã cất giấu, mua bán ma túy tại đây, tuy nhiên D không biết về sự việc phạm tội của các bị cáo. Hành vi của D chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ, xử lý sau.

Lý Ngọc M2, sinh ngày 21/8/2007, trú ở xóm N, xã V, huyện V, tỉnh Thái Nguyên là người ăn ở sinh hoạt cùng phòng ngủ tầng 2, nhà số C với Trần Quý M. M2 không biết việc M cất giấu ma túy tại đây, nên Cơ quan Công an đã giáo dục nhắc nhở đối với M2 và giao cho gia đình quản lý.

Lục Tuyết Cẩm N3, sinh năm 2003, trú ở thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; Dương Thị L, sinh năm 2000, trú ở Thôn Á, xã C, huyện B, tỉnh Lạng Sơn; Nguyễn Trúc C2, sinh năm: 2007, trú ở: Thôn A, xã V, huyện Á, tỉnh Hưng Yên (là người ăn ở sinh hoạt tại nhà số C) nhưng không biết và không liên quan gì đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Quá trình test ma túy những người này đều có kết quả dương tính với chất ma túy và khai nhận đã sử dụng chất ma túy, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã bàn giao các đối tượng cùng tài liệu kèm theo cho Công an phường Q, thành phố T để xử lý theo quy định.

Lù Thị D1, sinh năm 2003, trú ở: Bản S, xã C, huyện B, tỉnh Sơn La (là người ăn ở sinh hoạt tại nhà số C) nhưng không biết và liên quan gì đến hành vi phạm tội của các bị cáo, do đó Cơ quan Công an đã giáo dục nhắc nhở đối với D1.

Về nguồn gốc ma túy: Nguyễn Nhật T khai mua của một người phụ nữ tại khu vực ngõ H, đường L, tổ A, phường Q, thành phố T; Trần Quý M khai mua ma túy của người nam giới tên là “Cò” tại khu vực Cổng trường tiểu học T5, thuộc tổ A, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; 02 người nam giới mua ma túy của M và V1 có tên là P và H1. Do các bị cáo không biết rõ lai lịch, địa chỉ cụ thể của những người này nên Cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra, xác minh làm rõ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Nhật T, Nguyễn Thanh T2, Trần Quý M và Dương Văn V1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

I. Về hình phạt:

1. Căn cứ điểm b khoản 3, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Nhật T 16 (mười sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2023. Phạt bổ sung bị cáo 7.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 15 (mười lăm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/5/2023. Phạt bổ sung bị cáo 7.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

2. Căn cứ điểm p khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Trần Quý M 08 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/5/2023. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

3. Căn cứ điểm p khoản 2, khoản 5 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Dương Văn V1 07 (bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/5/2023. Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 đồng sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, quyết định tạm giam các bị cáo Nguyễn Nhật T, Nguyễn Thanh T2, Trần Quý M và Dương Văn V1 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

2. Vật chứng vụ án và biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (Một) bì niêm phong theo quy định, ký hiệu **B2**, trên mép dán có chữ ký của Vũ Quang H3, Nguyễn Văn D cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT, Công an T, tỉnh Thái Nguyên. Bên ngoài ghi: 22,550 gam viên nén màu cam lưu kho;

+ 01 (Một) bì niêm phong theo quy định, ký hiệu **L**, trên mép dán có chữ ký của Trần Quý M, Dương Văn V1 cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT, Công an T, tỉnh Thái Nguyên. Bên ngoài ghi: Bì lưu kho ban đầu quả tang;

+ 01 (Một) bì niêm phong theo quy định, ký hiệu **L1**, trên mép dán có chữ ký của Vũ Quang H3, Nguyễn Văn D cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT, Công an T, tỉnh Thái Nguyên. Bên ngoài ghi: Bì lưu kho khám xét;

+ 01 (Một) bì niêm phong theo quy định, ký hiệu **X1**, trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Thành T4, Chu Đức A1 và 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng K1, Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 4,694 gam mẫu M1 và vỏ bao gói mẫu MI. Vụ: Trần Quý M, sinh năm 2003 và Dương Văn V1, sinh năm 2003. Phạm tội về ma túy;

+ 01 (Một) bì niêm phong theo quy định, ký hiệu **M1**, trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Thành T4, Chu Đức A1 và 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng K1, Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 4,694 gam mẫu M1 và vỏ bao gói mẫu M1. Vụ: Trần Quý M, sinh năm 2003 và Dương Văn V1, sinh năm 2003. Phạm tội về ma túy;

+ 01 (Một) bì niêm phong theo quy định, ký hiệu **M2**, trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Thành T4, Chu Đức A1 và 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng K1, Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 4,524 gam mẫu M2 và vỏ bao gói mẫu M2. Vụ: Trần Quý M, sinh năm 2003 và Dương Văn V1, sinh năm 2003. Phạm tội về ma túy;

+ 01 (Một) bì niêm phong theo quy định, ký hiệu **B1**, trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Thành T4. Chu Đức A1 và 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng K1,

Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 6,552 gam mẫu B1 và vỏ bao gói mẫu B1. Vụ: Trần Quý M, sinh năm 2003 và Dương Văn V1, sinh năm 2003. Phạm tội về ma túy;

+ 01 (Một) bì niêm phong theo quy định, ký hiệu **T1**, trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Thành T4, Chu Đức A1 và 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng K1, Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 0,452 gam mẫu T1 và vỏ bao gói mẫu T1. Vụ: Trần Quý M, sinh năm 2003 và Dương Văn V1, sinh năm 2003. Phạm tội về ma túy;

+ 01 (Một) bì niêm phong theo quy định, ký hiệu T2, trên mép dán có chức của Nguyễn Thành T4, Chu Đức A1 và 02 hình dấu tròn đỏ của Phòng K1, Công an tỉnh T. Bên ngoài ghi: Hoàn trả 3,855 gam mẫu T2 và vỏ bao gói mẫu T2. Vụ: Trần Quý M, sinh năm 2003 và Dương Văn V1, sinh năm 2003. Phạm tội về ma túy;

+ 10 (mười) túi nilon màu trắng cùng kích thước 1cm x 1 cm; 20 (Hai mươi) túi nilon cùng kích thước 5cm x 3cm; 01 (Một) cân tiểu ly màu trắng.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

+ 01 (Một) bì niêm phong theo quy định, ký hiệu **V1**, trên mép dán có chữ ký của Dương Văn V1, Lê Tuấn A2 cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT, Công an T, tỉnh Thái Nguyên. Bên ngoài ghi: Điện thoại tạm giữ của Dương Văn V1,

+ 01 (Một) bì niêm phong theo quy định, ký hiệu **K1**, trên mép dán có chữ ký của Quản Mỹ H4, Lê Tuấn A2 cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT, Công an T, tỉnh Thái Nguyên. Bên ngoài ghi: Điện thoại tạm giữ của Nguyễn Nhật T;

+ 01 (Một) bì niêm phong theo quy định, ký hiệu **Đ1**, trên mép dán có chữ ký của Trần Quý M, Lê Tuấn A2 cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT, Công an T, tỉnh Thái Nguyên. Bên ngoài ghi: Điện thoại tạm giữ của Trần Quý M;

+ 01 (Một) bì niêm phong theo quy định, ký hiệu **X1**, trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Thanh T2, Lê Tuấn A2 cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT, Công an T, tỉnh Thái Nguyên. Bên ngoài ghi: Điện thoại tạm giữ của Nguyễn Thanh T2;

+ 01 (Một) bì niêm phong theo quy định, ký hiệu **M1**, trên mép dán có chữ ký của Nguyễn Thanh T2, Lê Tuấn A2 cùng các thành phần tham gia niêm phong và 03 hình dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT, Công an T, tỉnh Thái Nguyên. Bên ngoài ghi: Điện thoại tạm giữ của Nguyễn Thanh T2,

- Trả lại cho Nguyễn Văn D: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA Exciter màu xanh trắng, Biển kiểm soát 20B1-212.64, số máy: 55P1-084433, số khung: RLCE55P10CY084423, đã qua sử dụng, (không có chìa khóa xe).

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số 46 ngày 18 tháng 01 năm 2024 giữa Công an tỉnh T với Cục THADS tỉnh T).

- Truy thu đối với các bị cáo tiền thu lợi bất chính để sung quỹ Nhà nước:

- + Nguyễn Nhật T số tiền: 3.900.000 đồng;
- + Trần Quý M: 1.000.000 đồng;
- + Dương Văn V1: 300.000 đồng.

Ghi nhận bị cáo Dương Văn V1 đã nộp số tiền: 300.000 đồng, tại biên lai thu số 0000419, ngày 18/3/2024 của Cục THADS tỉnh T.

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016: Buộc các bị cáo Nguyễn Nhật T, Nguyễn Thanh T2, Trần Quý M và Dương Văn V1, mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC, TANDCC;
- Sở tư pháp;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- Cục THADS tỉnh Thái Nguyên;
- Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Minh Tuấn